

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới
phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Đăk Giao 2,
xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Thủy lợi ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Quy định chi tiết một số Điều của Luật Thủy lợi; Thông tư số 03/2022/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2018/TT-BNNPTNT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng; Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum ban hành phạm vi vùng phụ cận đối với công trình thủy lợi, việc cấm mốc chỉ giới và khoảng cách giữa các mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 190/TTr-SNNMT ngày 29 tháng 5 năm 2025 về phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Đăk Giao 2, xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum, kèm theo Phương án và Báo cáo kết quả thẩm định số 278/BCTĐ-SNNMT ngày 27 tháng 5 năm 2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Đăk Giao 2, xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Mục đích: Cấm mốc xác định hành lang bảo vệ đập, vùng lòng hồ, kênh và công trình trên kênh tưới.

2. Vị trí cắm mốc: Thuộc công trình Hồ chứa nước Đăk Giao 2, xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

3. Tổng số mốc chỉ giới là 42 mốc. Trong đó: Phạm vi bảo vệ khu vực lòng hồ là 15 mốc; Phạm vi bảo vệ đập và tràn xả lũ là 10 mốc; Phạm vi bảo vệ kênh chính và công trình trên kênh là 17 mốc (*có phụ lục số 01, phụ lục số 02 và phụ lục số 03 kèm theo*).

4. Qui cách mốc: 90cm x 15cm x 15cm, kết cấu bằng bê tông cốt thép M200 đá 1x2cm đúc sẵn; Đế mốc kết cấu bằng bê tông M200 đá 1x2cm, kích thước mặt cắt ngang 40x40cm, độ sâu chôn mốc 40cm và thân mốc nhô lên khỏi mặt đất tự nhiên là 50cm.

5. Khoảng cách các mốc chỉ giới:

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ đập: Mốc cắm được tính từ chân đập trở ra là 50m. Khoảng cách giữa 2 mốc liền nhau là 100m.

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ lòng hồ: Phạm vi cắm mốc được tính từ đường biên bằng cao trình đỉnh đập là 723,10m. Khoảng cách giữa hai mốc liền nhau trên đoạn thẳng từ 100m đến 300m và tại các điểm chuyển hướng, khu vực lòng hồ có độ dốc lớn hoặc không có dân cư sinh sống khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 500m đến 1.000m.

- Đối với mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ kênh và công trình trên: Phạm vi cắm mốc được tính từ chân mái ngoài bờ kênh với mặt đất tự nhiên trở ra 0,5 m. Mốc được cắm tại các điểm chuyển hướng, trên đoạn thẳng khoảng cách giữa hai mốc liền nhau từ 100m đến 200m, ở khu vực khu dân cư tập trung khoảng cách hai mốc liền nhau từ 50m đến 100m và tại các điểm chuyển hướng của kênh.

6. Thời gian thực hiện là 40 ngày (*kể từ ngày phương án, dự toán cắm mốc được phê duyệt*).

7. Giá trị dự toán chi phí cắm mốc là 92.309.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi hai triệu, ba trăm lẻ chín nghìn đồng chẵn*). Trong đó: Giá trị đo đạc xác định, thiết kế vị trí và cắm mốc địa hình cấp 3 là 84.585.000 đồng; Giá trị sản xuất, lắp đặt mốc chỉ giới là 7.724.000 đồng.

8. Nguồn vốn thực hiện: Sự nghiệp thủy lợi năm 2025.

Điều 2. Tổ chức thực hiện: Sở Nông nghiệp và Môi trường (*Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước*) chịu trách nhiệm:

1. Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân xã Đăk Long, huyện Đăk Glei; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Kon Tum tổ chức triển khai thực hiện việc cắm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Đăk Giao 2, xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum trên thực địa theo phương án được phê duyệt.

2. Bàn giao mốc cho Ủy ban nhân dân xã Đăk Long, huyện Đăk Glei quản lý và bảo vệ (*sau khi hoàn thành sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp xã, công trình nằm trên địa bàn xã nào sẽ bàn giao mốc cho Ủy ban nhân dân xã đó quản*

lý, bảo vệ); công ty TNHH một thành viên khai thác công trình thủy lợi tỉnh phối hợp quản lý và bảo vệ theo quy định của pháp luật. Trường hợp hành lang bảo vệ đập, lòng hồ và kênh mương bị lấn chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và phối hợp với chính quyền địa phương để xử lý theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung so với nội dung phương án và nội dung tại Điều 1 của Quyết định này, Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước phải có văn bản báo cáo cấp có thẩm quyền và chỉ thực hiện những thay đổi, điều chỉnh, bổ sung sau khi có văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

4. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh về tính chính xác của thông tin, số liệu, nội dung và kết quả thẩm định Phương án, dự toán cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình: Hồ chứa nước Đăk Giao 2, xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, tỉnh Kon Tum.

Điều 3. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đăk Glei, Giám đốc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Kon Tum, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đăk Long, huyện Đăk Glei, Chi cục Trưởng Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước thuộc Sở Nông nghiệp và Môi trường và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP;
- Lưu: VT, KTN.NVH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hữu Tháp

Phụ lục số 01

Tọa độ mốc chỉ giới bảo vệ lòng hồ công trình Hồ chứa nước Đăk Giao 2
(kèm theo Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tọa độ X(m)	Tọa độ Y(m)	Tên Mốc	Ghi chú
1	1650254.58	508758.05	CTTL.01	Lòng hồ
2	1650214.71	508729.96	CTTL.02	Lòng hồ
3	1650170.75	508725.50	CTTL.03	Lòng hồ
4	1650220.61	508679.52	CTTL.04	Lòng hồ
5	1650155.32	508696.32	CTTL.05	Lòng hồ
6	1650218.64	508618.60	CTTL.06	Lòng hồ
7	1650166.21	508584.06	CTTL.07	Lòng hồ
8	1650122.56	508557.37	CTTL.08	Lòng hồ
9	1650196.57	508548.74	CTTL.09	Lòng hồ
10	1650188.56	508505.08	CTTL.10	Lòng hồ
11	1650222.80	508544.16	CTTL.11	Lòng hồ
12	1650280.42	508544.41	CTTL.12	Lòng hồ
13	1650328.74	508571.87	CTTL.13	Lòng hồ
14	1650351.95	508621.63	CTTL.14	Lòng hồ
15	1650386.65	508646.67	CTTL.15	Lòng hồ

Phụ lục số 02:
Tọa độ mốc chỉ giới bảo vệ đập, tràn xả lũ
công trình Hồ chứa nước Đăk Giao 2
(kèm theo Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tọa độ X(m)	Tọa độ Y(m)	Tên Mốc	Ghi chú
1	1650450.02	508658.04	CTTL.16	Tuyến đập
2	1650447.54	508733.17	CTTL.17	Tuyến đập
3	1650447.26	508741.69	CTTL.18	Tuyến đập
4	1650418.35	508775.08	CTTL.19	Tuyến đập
5	1650370.52	508811.93	CTTL.20	Tuyến đập
6	1650426.16	508825.05	CTTL.21	Tuyến đập
7	1650419.13	508840.35	CTTL.22	Tuyến đập
8	1650346.74	508825.83	CTTL.23	Tuyến đập
9	1650293.18	508818.60	CTTL.24	Tuyến đập
10	1650255.41	508793.03	CTTL.25	Tuyến đập

Phụ lục số 03
Tọa độ mốc chỉ giới bảo vệ tuyến kênh
công trình Hồ chứa nước Đăk Giao 2
(kèm theo Quyết định số 408/QĐ-UBND ngày 10 tháng 6 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum)

STT	Tọa độ Y(m)	Tọa độ X(m)	Tên Mốc	Ghi chú
1	1650526.74	508730.57	CTTL.26	Tuyến kênh
2	1650603.28	508729.23	CTTL.27	Tuyến kênh
3	1650651.44	508732.89	CTTL.28	Tuyến kênh
4	1650734.95	508729.74	CTTL.29	Tuyến kênh
5	1650804.82	508713.23	CTTL.30	Tuyến kênh
6	1650824.14	508679.38	CTTL.31	Tuyến kênh
7	1650776.49	508614.92	CTTL.32	Tuyến kênh
8	1650760.56	508525.90	CTTL.33	Tuyến kênh
9	1650751.63	508525.43	CTTL.34	Tuyến kênh
10	1650834.97	508467.94	CTTL.35	Tuyến kênh
11	1650831.07	508464.76	CTTL.36	Tuyến kênh
12	1650841.32	508414.60	CTTL.37	Tuyến kênh
13	1650837.96	508412.87	CTTL.38	Tuyến kênh
14	1650897.30	508363.55	CTTL.39	Tuyến kênh
15	1650897.11	508360.27	CTTL.40	Tuyến kênh
16	1650959.07	508352.44	CTTL.41	Tuyến kênh
17	1650958.28	508348.02	CTTL.42	Tuyến kênh